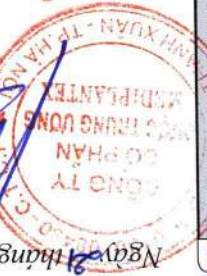


Ths. Phùng Minh Dũng

PHÒNG TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngày 2 tháng 2 năm 2012

Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO
Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO
Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO
Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO	Vitamin 3B B1 + B6 + B2 10mg + 10mg + 1mg GMP-WHO

Nhân vi 10 viên

G.M.P. - W.H.O

10 Blisters x 10 film-coated tablets

Vitamin 3B

B1 + B6 + B2

Mediplantex

Cập được TW Mediplantex
358 Giải Phóng, Thanh Xuân, Hà Nội
SX tại Nhà máy DP số 2
Tiền Phong, Mễ Linh, Hà Nội

Vitamin 3B
B1 + B6 + B2
SBK/Reg. No.

Thành phần:

Vitamin B1 10 mg
Vitamin B6 10 mg
Vitamin B2 1 mg

Tá dược vd 1 viên

Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng và các thông tin khác:

Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Tiêu chuẩn: TCCS.

ĐỂ XA TẦM VỚI CỬA TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

G.M.P. - W.H.O

10 vi x 10 viên nén bao phim

Vitamin 3B

B1 + B6 + B2

Mediplantex

Composition:

Each film-coated tablet contains:

Vitamine B1 10 mg
Vitamine B6 10 mg
Vitamine B2 1 mg

Excipients q.s for one tablet

Indication, contraindication, dosage, administration and other information:

See the leaflet enclosed.

Storage: Keep in a dry place. Protected from light, below 30°C.

Specification: Manufacturer's.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
READ CAREFULLY DIRECTION BEFORE USE.

Vitamin 3B
B1 + B6 + B2
Số SX/Lot No.:
Ngày SX/Hết Date:
HĐ/Exp. Date:

Nhân hộp 10 vi

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
VITAMIN 3B B1+ B6 + B2

Thành phần: mỗi viên có chứa

Vitamin B1	10,0 mg
Vitamin B6	10,0 mg
Vitamin B2	1,0 mg

Tá dược: Lactose, Tinh bột sắn, Đường kính, PVA, Amidon, Talc, Magnesi stearat, Aerosil, HPMC, Talc, Titan dioxyd, PEG 6000, Ethyl cellulose, Tween 80, Erythrosin lake, Sunset yellow lake, Triethyl citrat vừa đủ 1 viên.

Dạng bào chế: Viên nén bao phim.

Được lực học: Các Vitamin khác nhau thuộc nhóm B tham dự trong nhiều phản ứng cần có enzym tham gia vào sự chuyển hóa glucid, lipid và protid.

- **Vitamin B₁:** Thiamin thực tế không có tác dụng được lý, thậm chí ở liều cao. Thiamin pyrophosphat, dạng thiamin có hoạt tính sinh lý, là coenzym chuyển hóa carbohydrat làm nhiệm vụ khử carxyl của các alpha - cetoacid như pyruvat và alpha - cetoglutarat và trong việc sử dụng pentose trong chu trình hexosemonophosphat.

- **Vitamin B₆:** Vitamin B₆ tồn tại dưới 3 dạng: pyridoxal, pyridoxin và pyridoxamin, khi vào cơ thể biến đổi thành pyridoxal phosphat và một thành phần pyridoxamin phosphat. Hai chất này hoạt động như những coenzym trong chuyển hóa protein, glucid và lipid. Pyridoxin tham gia tổng hợp acid gamma - aminobutyric (GABA) trong hệ thần kinh trung ương và tham gia tổng hợp hemoglobulin.

- **Vitamin B₂:** Riboflavin không có tác dụng rõ ràng khi uống hoặc tiêm. Riboflavin được biến đổi thành 2 co-enzym là flavin mononucleotid (FMN) và flavin adenin dinucleotid (FAD), là các dạng co-enzym hoạt động cần cho sự hô hấp của mô.

Được động học: Tất cả các Vitamin B₁, B₆, B₂ đều được hấp thu tốt qua đường tiêu hóa và đào thải chủ yếu qua nước tiểu.

- **Vitamin B₁:** Sự hấp thu thiamin trong ăn uống hàng ngày qua đường tiêu hóa là do sự vận chuyển tích cực phụ thuộc Na⁺. Khi nồng độ thiamin trong đường tiêu hóa cao sự khuếch tán thụ động cũng quan trọng. Tuy vậy, hấp thu liều cao bị hạn chế. Sau khi tiêm bắp, thiamin cũng được hấp thu nhanh, phân bố vào đa số các mô và sữa.

- **Vitamin B₆:** Pyridoxin được hấp thu nhanh chóng qua đường tiêu hóa, trừ trường hợp mắc các hội chứng kém hấp thu. Sau khi tiêm hoặc uống, thuốc phần lớn dự trữ ở gan và một phần ở cơ và não. Pyridoxin thải trừ chủ yếu qua thận dưới dạng chuyển hóa. Lượng đưa vào, nếu vượt quá nhu cầu hàng ngày, phần lớn đào thải dưới dạng không biến đổi.

- **Vitamin B₂:** Riboflavin được hấp thu chủ yếu ở tá tràng. Các chất chuyển hóa của riboflavin được phân bố khắp các mô trong cơ thể và vào sữa. Một lượng nhỏ được dự trữ ở gan, lách, thận và tim.

Chỉ định:

- Phòng ngừa và điều trị các chứng thiếu các Vitamin B₁, B₆, B₂.
- Dùng cho người mới ốm dậy, suy nhược cơ thể, kém ăn.
- Viêm dây thần kinh ngoại biên.

Liều lượng và cách dùng:

- Điều trị thiếu hụt các Vitamin B₁, B₆, B₂: uống 1-2 viên/ngày
- Viêm dây thần kinh ngoại biên: uống 2 -5 viên/ngày.

Chống chỉ định: Người mẫn cảm với các thành phần của thuốc.

Thận trọng:

- Liều 200 mg mỗi ngày, kéo dài trên 30 ngày có thể gây hội chứng lệ thuộc pyridoxin.
- Sự thiếu riboflavin thường xảy ra khi thiếu những nhóm B khác.

Thời kì có thai và đang cho con bú: Được dùng

Tương tác thuốc: Do có chứa Vitamin B₆: Không nên dùng Vitamin B₁ + B₆ + B₂ chung với Levodopa, trừ khi chất này có phối hợp với chất ức chế men dopadecarboxylase.

Người lái xe hoặc đang sử dụng máy móc: Được dùng.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Được dùng.

Quá liều và xử trí: Dùng liều Vitamin B₆ 200 mg/ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cứng bàn chân đến tê cứng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn còn để lại ít nhiều di chứng.

Tác dụng không mong muốn của thuốc:

- Nước tiểu vàng do chế phẩm có chứa Vitamin B₂.
- Vitamin B₆ Liều 200mg/ngày và dài ngày có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cứng bàn chân, vụng về bàn tay.
- Các phản ứng có hại của thiamin rất hiếm và thường theo kiểu dị ứng.

Quy cách đóng gói: Hộp 10 vi, Hộp 50 vi, 60 vi x 10 viên.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ tác dụng không mong muốn gặp phải trong khi sử dụng thuốc

CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPLANTEX

358 Giải Phóng-Phương Liệt -Thanh Xuân-Hà Nội

ĐT: 04-38643368 Fax: 04-38641584

Sản xuất tại: Nhà máy Dược phẩm số 2

Trung Hậu - Tiên Phong - Mê Linh - Hà Nội



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. Phùng Minh Dũng

NHÂN HỘP 50 VÍ X 10 VIÊN

THUỐC DÙNG CHO BỆNH VIỆN		Vitamin 3B B1 + B6 + B2	50 vỉ x 10 viên nén bao phim
Thành phần: Mỗi viên chứa: Vitamin B1..... 10 mg Vitamin B6..... 10 mg Vitamin B2..... 1 mg Tá dược vừa đủ 1 viên.			
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng, tác dụng không mong muốn và các thông tin khác: Xem tờ hướng dẫn sử dụng			
Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C			
Tiêu chuẩn: TCCS			
SDK:			
 MEDIPLANTEX		Để xa tầm tay trẻ em Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPLANTEX 358 Giải Phóng, Thanh Xuân, Hà Nội SX tại: Nhà máy DP số 2 - Trung Hậu, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	
		Số lô SX:..... Ngày SX:..... HD:.....	

Ngày 10 tháng 8 năm 2011



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. Phùng Minh Dũng

Ngày 10 tháng 8 năm 2011



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. Phùng Minh Dũng